

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HSST
Ngày 29/8/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Phạm Văn Miên, nghề nghiệp: Cán bộ,

Nơi công tác: UBMTTQVN huyện Đ

2- Bà Rơ Mah H' Huy, nghề nghiệp: Cán bộ,

Nơi công tác: Hội Phụ nữ xã Ia Krêl, huyện Đ.

Thư ký phiên tòa: bà Đoàn Thị Minh Chinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29/8/2017, tại Nhà sinh hoạt cộng đồng làng O, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm lưu động công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2017/HSST ngày 19/7/2017 đối với bị cáo:

Trịnh Ngọc Q, sinh năm 1997 tại huyện Y, tỉnh Thanh Hóa ; Địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Trịnh Đình Q và bà Trịnh Thị L; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/3/2017 cho đến nay, hôm nay có mặt tại phiên tòa;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Trần Văn H (đã chết ngày 06/4/2017). Đại diện hợp pháp là chị Trần Ngọc K (vợ của Trần Văn H), địa chỉ: thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 14 giờ ngày 01/03/2017, Trần Văn H (sinh năm: 1989, trú tại thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) có nhu cầu sử dụng ma túy dạng đá nên đã gọi điện thoại cho Trịnh Ngọc Q để mua ma túy thì Q trả lời “cứ xuống đi” H hiểu là Q có ma túy

và hẹn xuống nhà để lấy ma túy. Ngay sau đó, H gọi điện thoại cho Nguyễn Văn H2 (sinh năm: 1989, trú tại Làng Nù, xã Ia Nan, huyện Đ, tỉnh Gia Lai, là bạn của H) cùng đi với Q. Sau đó H2 đi đến nhà H rồi cả hai cùng đi đến nhà Q để mua ma túy. Khi tới nhà của gia đình Q (tại thôn Mook Đen 2, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh Gia Lai) thấy Q đang ngồi ở hiên nhà, tại đây H có đưa cho Q 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng) để mua ma túy. Q nhận tiền và chỉ dẫn H đến chỗ cất giấu 01 gói ma túy (ma túy được Q dán vào lonbia Sai Gòn để trong bãi rác ở mép đường cách chỗ Q ngồi ở hiên nhà khoảng 15 mét). Khi H lấy được gói ma túy đưa cho H2 cất giữ để chuẩn bị mang ma túy đi sử dụng thì bị Công an huyện Đ bắt quả tang.

Khi bắt quả tang thu giữ 01 gói chất rắn, dạng tinh thể màu trắng, bên ngoài bọc bằng giấy nilon được niêm phong trong phong bì ghi số (I). Ngoài ra, còn thu giữ 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng); 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

- Tại Kết luận giám định số 94/KLGD ngày 09/03/2017 của phòng kỹ thuật Công an tỉnh Gia Lai Kết luận: chất màu trắng dạng tinh thể 01 (một) gói nilon trong bì thư niêm phong ghi số 01 gửi giám định có trọng lượng là 0.0675 gram có Methamphetamine, Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục II, STT 67, Nghị định 82 ngày 19/07/2013.

Trong quá trình điều tra còn xác định: Trước đó, vào khoảng 13 giờ 30 phút ngày 27/2/2017, Trần Văn H gọi điện thoại cho Trịnh Ngọc Quỳnh để mua ma túy thì Q trả lời “Đề em hỏi người ta xem sao” khoảng 15 phút H gọi điện thoại cho Q hỏi có ma túy chưa, Q nói “Cứ chạy lên đi”. Khoảng 5 phút sau H đến nhà Q và đưa cho Q 400.000 đồng. Q nhận tiền và chỉ dẫn cho H biết chỗ cất giấu ma túy (ma túy được để trong bao thuốc là màu trắng bên lề đường) H lấy gói ma túy trên về nhà sử dụng.

Tại Bản Cáo trạng số 15/CTr-VKS ngày 18/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai đã truy tố bị cáo Trịnh Ngọc Q về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trịnh Ngọc Q thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên Cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 45 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Q từ 7 đến 8 năm tù.

Về tang vật vụ án: Đề nghị Tịch thu tiêu hủy tang vật là số ma túy còn lại sau giám định; Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 chiếc điện thoại di động và 500.000 đồng tiền bị cáo bán ma túy mà có.

Đề nghị truy thu của Trịnh Ngọc Q 400.000 đồng tiền bán trái phép ma túy mà có.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo có trong hồ sơ thời điểm từ ngày 06/4/2017 trở về trước, bị cáo Trịnh Ngọc Q thừa nhận 02 lần bán ma túy cho Trần Văn H như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Lời khai của bị cáo có trong hồ sơ thời điểm sau ngày 06/4/2017, bị cáo Q chỉ thừa nhận bán ma túy cho Trần Văn H một lần vào ngày 01/3/2017 thì bị bắt quả tang. Bị cáo không thừa nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 27/02/2017.

Tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận 02 lần bán ma túy cho Trần Văn H như nội dung Cáo trạng đã nêu.

Thấy rằng, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại, tố cáo về Quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng, không cung cấp chứng cứ chứng minh bị cáo bị mớm cung, ép cung hoặc bị đe dọa, mua chuộc để khai báo không đúng sự thật. Trong quá trình điều tra, Trần Văn H và những người tham gia tố tụng khác đều không có khiếu nại, tố cáo về hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Qua nghiên cứu hồ sơ, có thể nhận định Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại các bản tự khai của bị cáo, các biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị cáo từ ngày 06/4/2017 trở về trước có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, bị cáo Q thừa nhận 02 lần bán ma túy cho Trần Văn H. Nội dung lời khai này phù hợp với lời khai của Trần Văn H và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Sự phù hợp này là hoàn toàn khách quan. Do đó, đủ căn cứ để nhận định, bị cáo Q 02 lần bán chất ma túy trái phép cho Trần Văn H như Cáo trạng đã nêu là đúng sự thật. Hành vi này của bị cáo đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố bị cáo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy rằng, Methamphetamine (ma túy đá) là loại chất ma túy gây nghiện hướng thần rất mạnh và rất độc, do Nhà nước độc quyền quản lý. Việc mua bán trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật. Hậu quả của hành vi này là làm gây nghiện người sử dụng, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cho người sử dụng, gây ra nhiều bệnh tật trong xã hội (đặc biệt là HIV, AIDS), là nguyên nhân gây ra nhiều tệ nạn xã hội, làm băng hoại giá trị đạo đức, nhân phẩm con người, bị đạo đức xã hội cực lực lên án.

Nguyên nhân phạm tội là do bị cáo lười lao động lại thích đua đòi, với mục đích vụ lợi, muốn có tiền để thỏa mãn nhu cầu cá nhân, bị cáo đã bất chấp hậu quả, bất chấp pháp luật, đã bán ma túy cho người khác kiếm tiền tiêu xài. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm khắc nhằm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung trong cộng đồng.

Mặc dù trong giai đoạn điều tra có thời điểm bị cáo chối tội nhưng tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận tội, do đó cần thiết áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Gia đình của bị cáo có công với cách mạng, ông nội của bị cáo được Nhà nước tặng Huân chương kháng chiến hạng Ba, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, có tham gia dân quân tự vệ và được tặng Giấy khen, trọng lượng ma túy mà bị cáo mua bán không lớn.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo, cần thiết xử phạt bị cáo mức hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới cải tạo giáo dục được bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm hình sự nói chung, tội phạm về ma túy nói riêng.

Đối với các đối tượng liên quan trong vụ án:

- Theo lời khai của bị cáo Q: thì số ma túy mà Q đã bán cho Trần Văn H là của Đoàn Văn G, địa chỉ: Thôn M, xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đã tiến hành điều tra xác minh có đối tượng Đoàn Văn G. Tuy nhiên, G đi khỏi địa phương từ cuối tháng 2 năm 2017. Hiện Cơ quan điều tra chưa có chứng cứ chứng minh G cung cấp ma túy cho Q nên chưa có căn cứ để xử lý G.

- Trần Văn H có hành vi mua ma túy của Q để sử dụng. H đã chết vào ngày 06/4/2017 nên không xử lý H.

- Nguyễn Văn H2 là người sử dụng ma túy do H mua. Do đó, ngày 07/4/2017, Ủy ban nhân xã I2 đã ra quyết định xử lý hành chính đối với H2 bằng biện pháp giáo dục tại xã I2.

+ Về tang vật vụ án: Cần thiết xử lý như sau:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định;
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia mà bị cáo dùng làm phương tiện phạm tội và 500.000 đồng tiền bị cáo Q bán ma túy mà có.

- Đối với chiếc điện thoại di động Nokia của Trần Văn H dùng để liên hệ mua ma túy. Đại diện hợp pháp của anh H là chị Trần Thị K không yêu cầu trả lại. Do đó cần thiết cũng tịch thu sung quỹ Nhà nước chiếc điện thoại di động này.

- Cần thiết phải truy thu của bị cáo Q 400.000 đồng tiền bán ma túy cho H vào ngày 27/02/2017 để sung quỹ Nhà nước.

+ Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có thu nhập riêng và không có tài sản gì. Do đó không cần thiết phải phạt tiền bổ sung.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Ngọc Q phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 45 của Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trịnh Ngọc Q 7 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2017 (Ngày bị cáo bị bắt giữ).

3. Áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo Trịnh Ngọc Q 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (29/8/2017) để bảo đảm công tác thi hành án phạt tù.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 41 của Bộ luật hình sự, xử:

- Tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại sau giám định.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 02 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và 500.000 đồng tiền bị cáo Q bán ma túy mà có.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 18/7/2017 giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

- Truy thu của bị cáo Q 400.000 đồng tiền bán ma túy mà có để sung quỹ Nhà nước.

5. Về án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bị cáo, đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của bị cáo là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, của người có quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai
- Sở tư pháp:
- VKSND huyện Đ;
- CA huyện Đ;
- Bị cáo; Người LQ;
- Lưu HS THA; CCTHADS
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Hùng Hưng

